

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

Ngày 30/09/2025	46,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.9%	2.7%	12.7%

DT thuần Q3/25
328
tỷ VNĐ
QoQ: ▼81.0 -19.8%
YoY: ▲ 13.0 4.1%

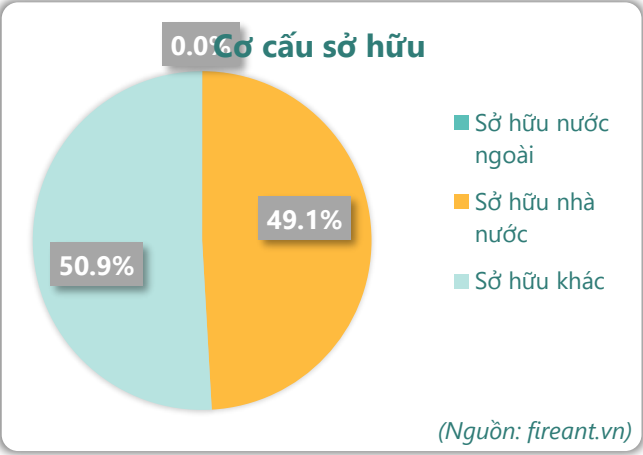
LN thuần Q3/25
68.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.8 -29.0%
YoY: ▲ 6.30 10.3%

LN sau thuế Q3/25
63.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.1 -20.4%
YoY: ▲ 12.4 24.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
24.0%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM) Q3/25
34.9%
YoY: +/-▼ 1.1%

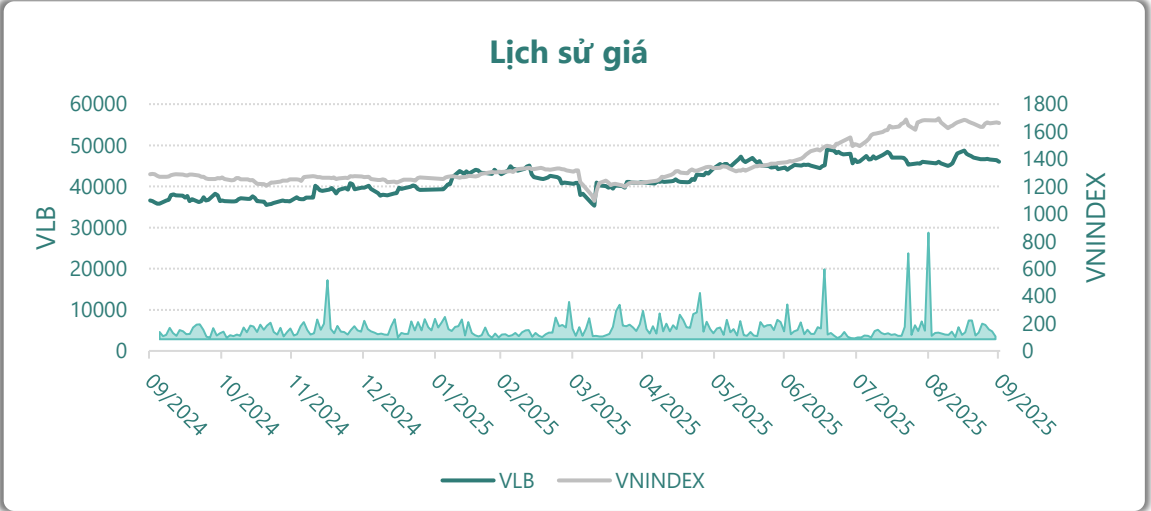
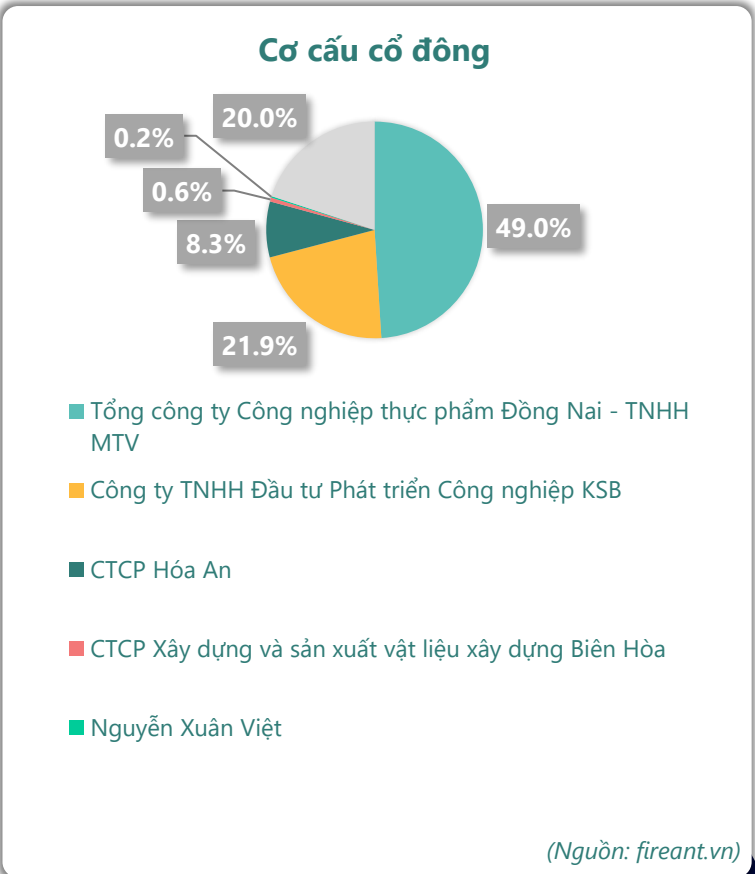
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	35,310 - 49,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,149
Số lượng CPLH (CP)	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,810
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.12
EPS	5,637
P/E	8.2



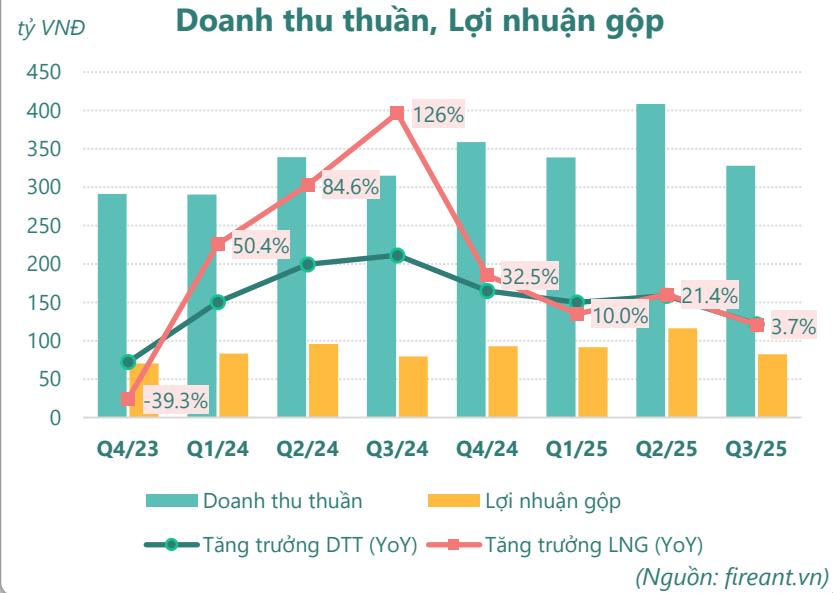
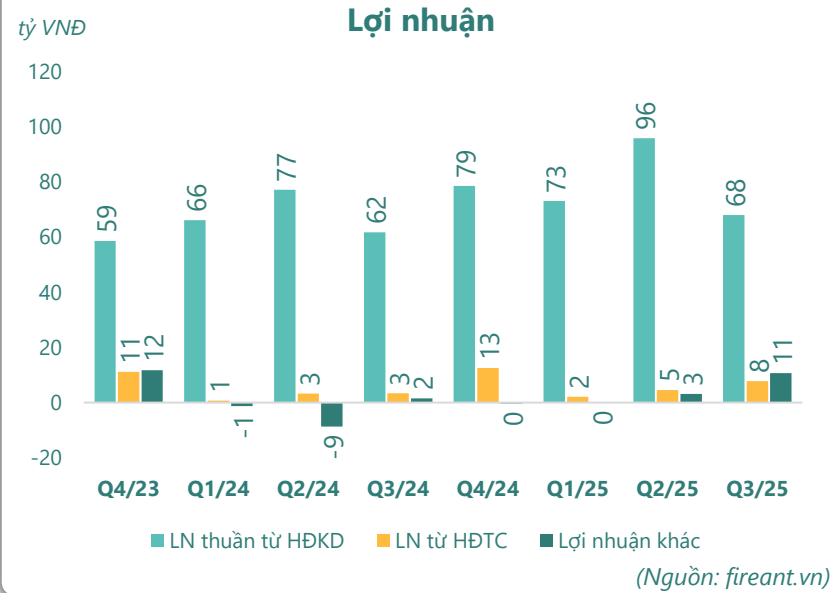
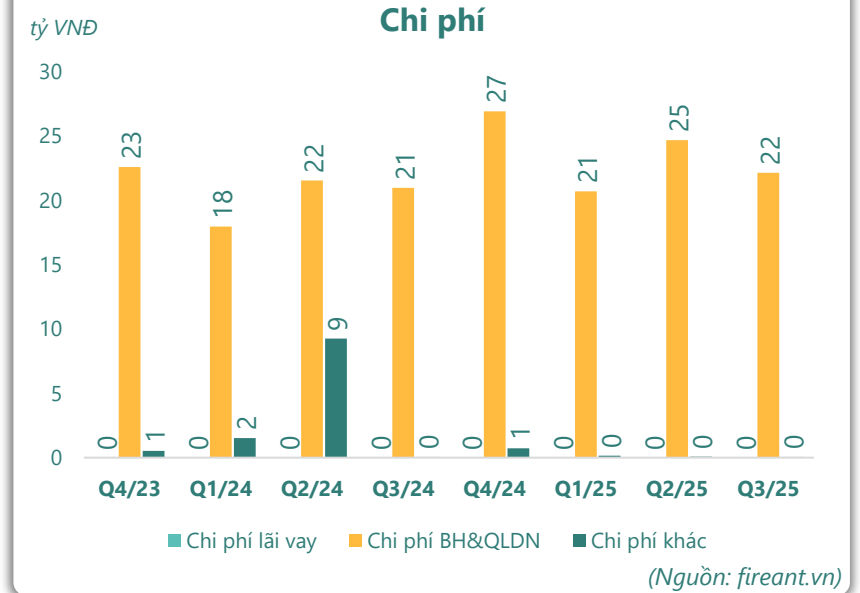
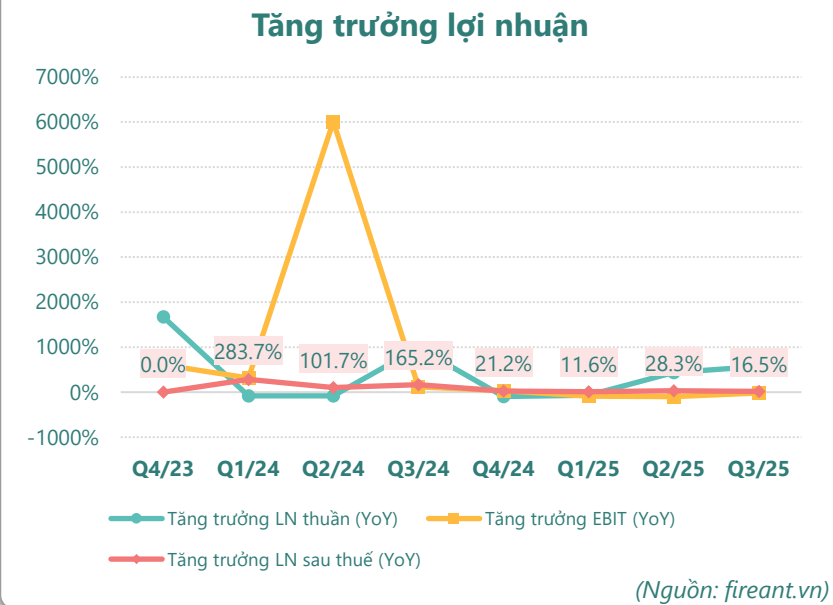
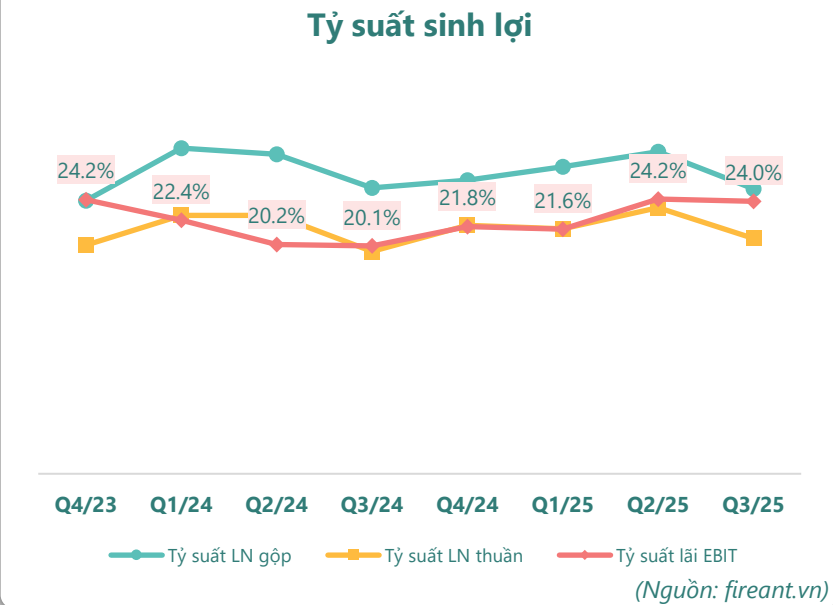
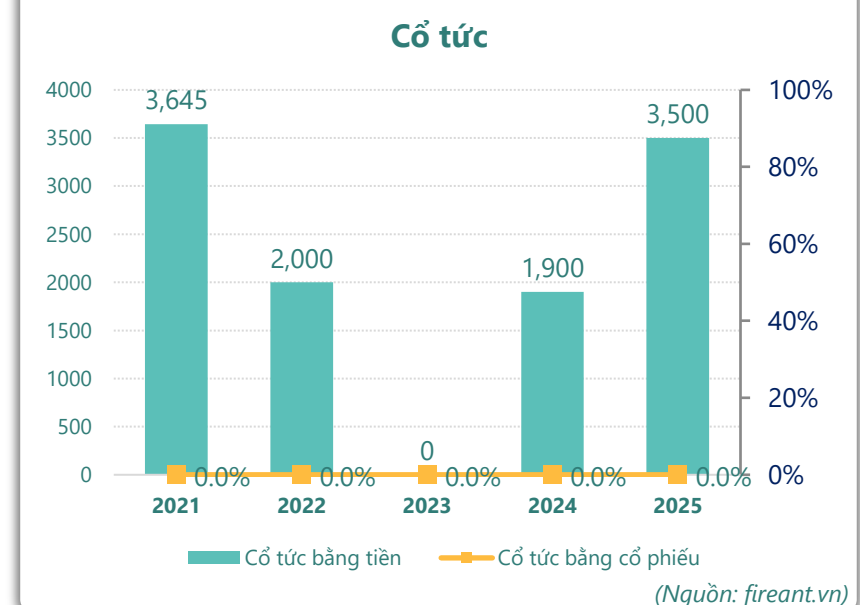
DT thuần 9T 2025
1,075
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 130 13.8%

LN thuần 9T 2025
237
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.0 15.5%

LN sau thuế 9T 2025
201
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0 29.2%



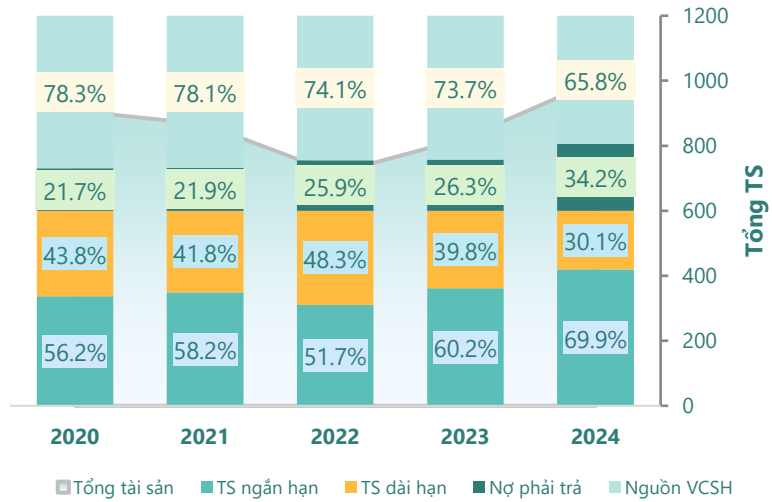
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

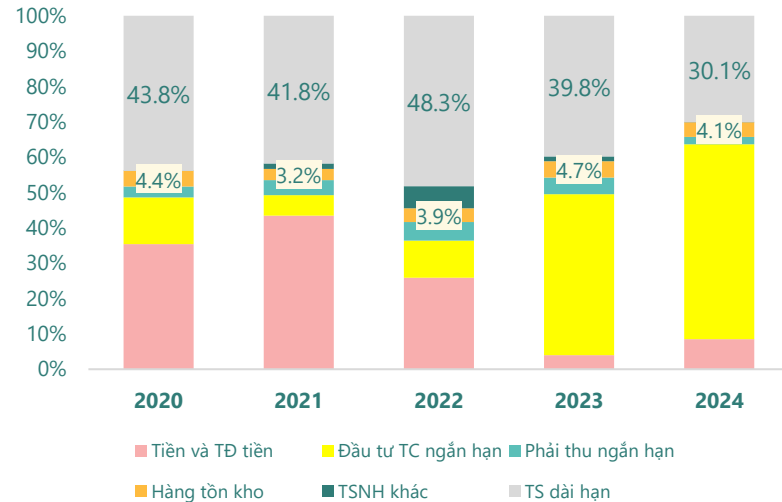
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

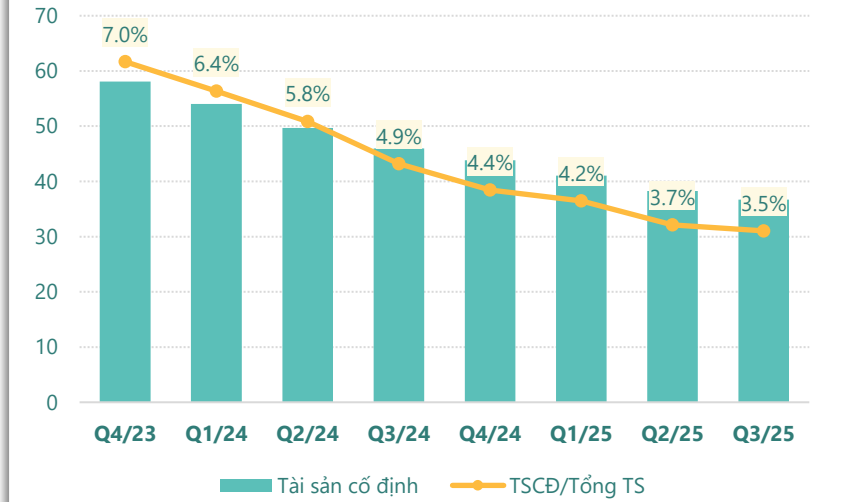
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

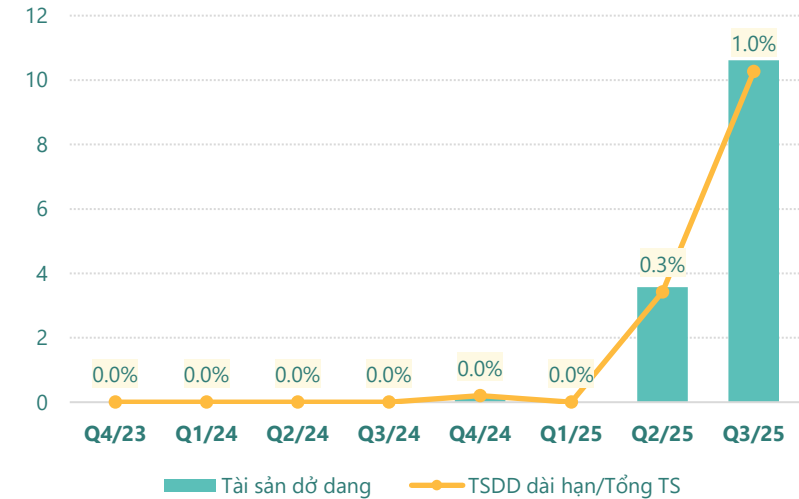
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

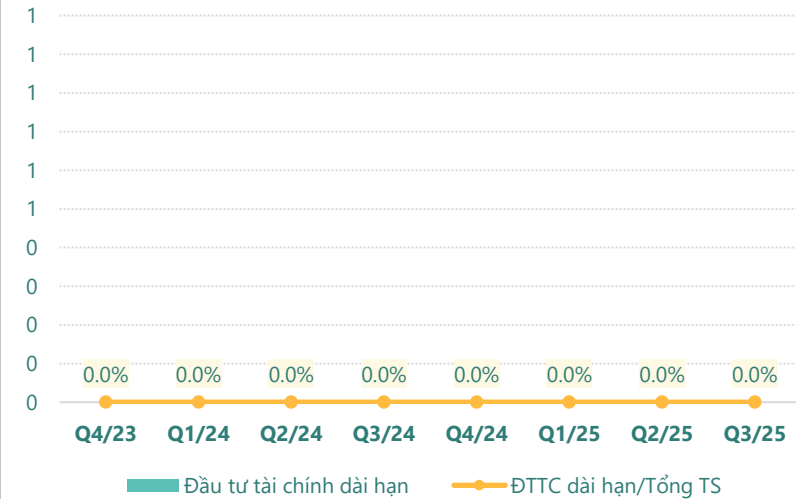
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

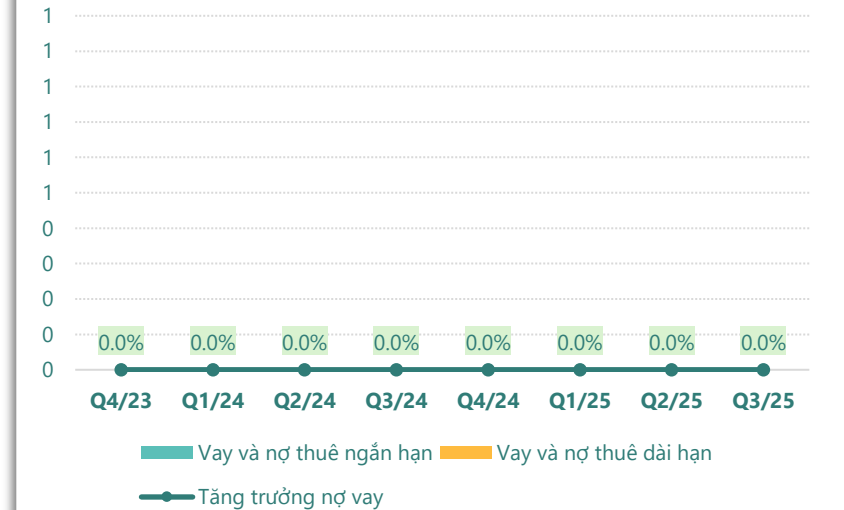
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

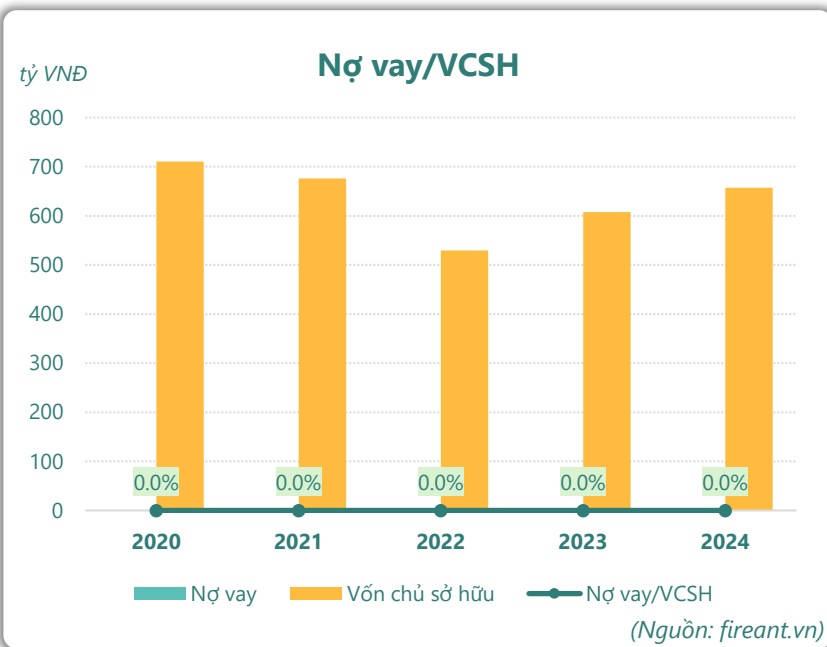
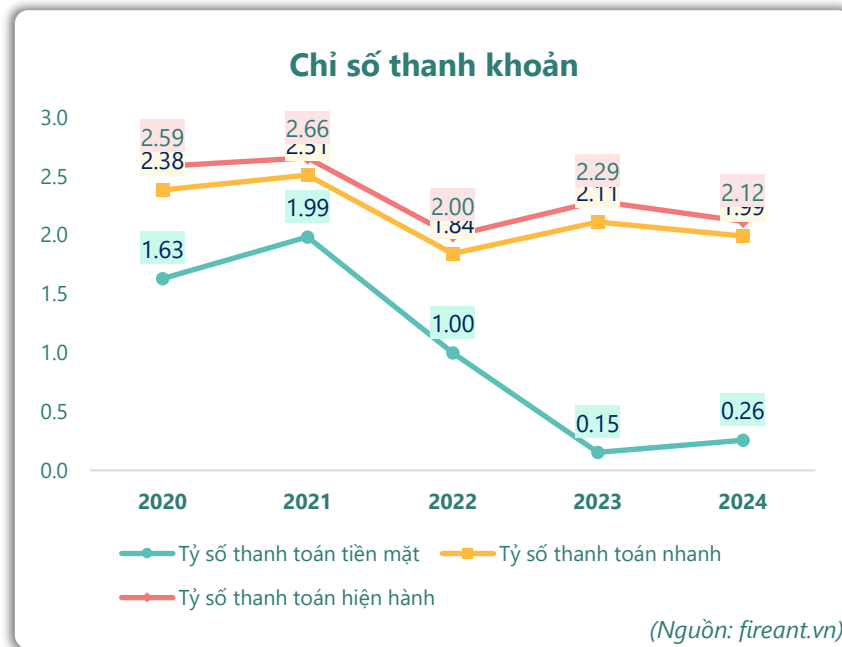
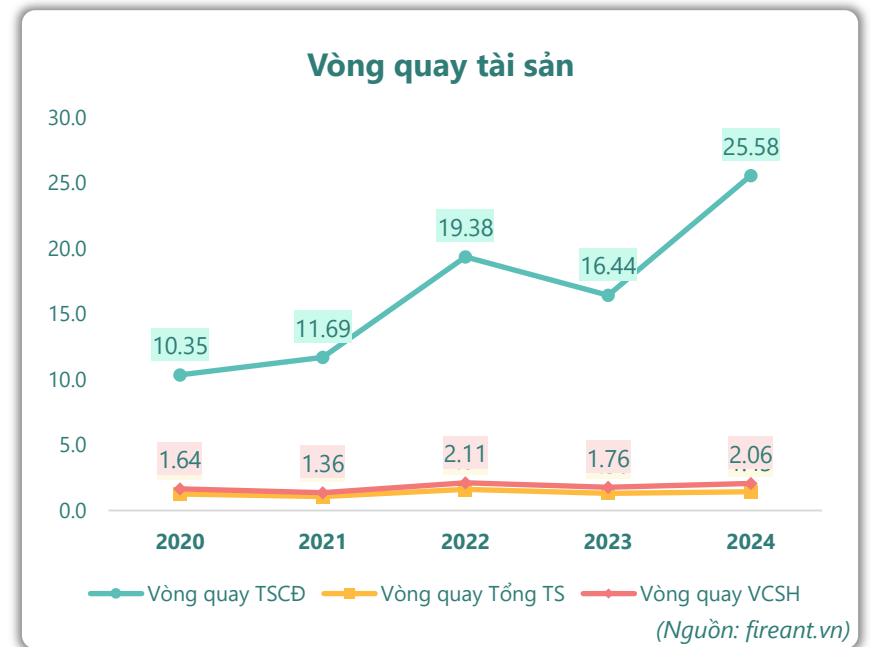
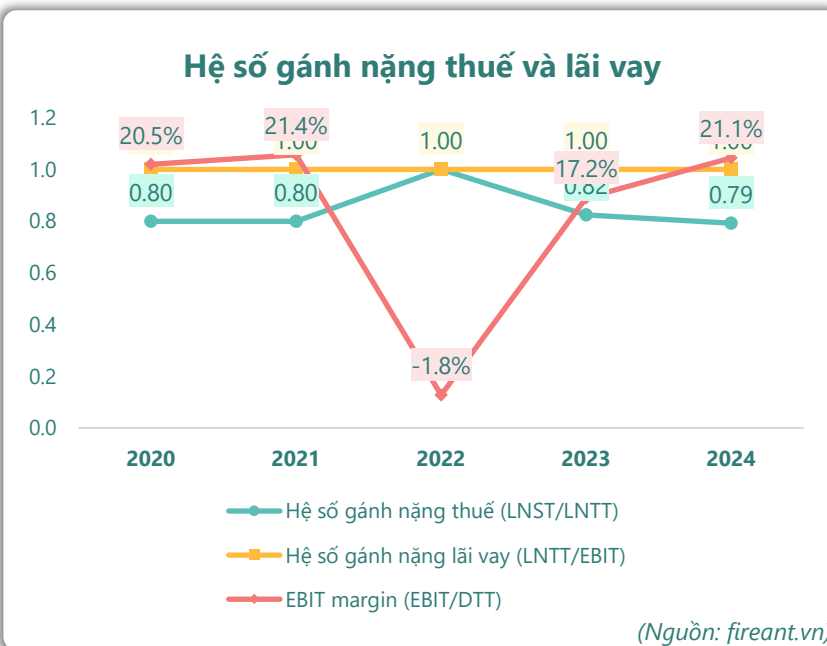
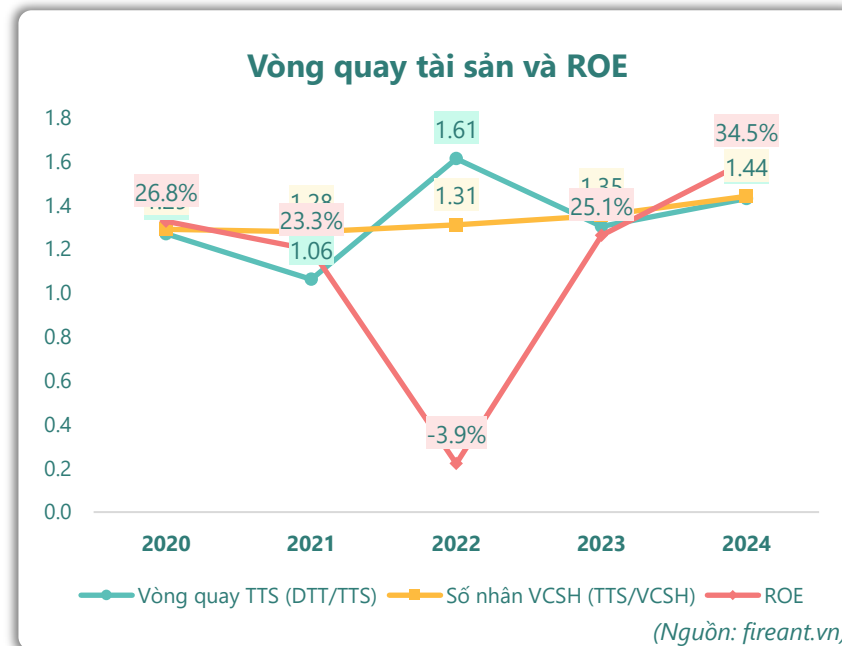
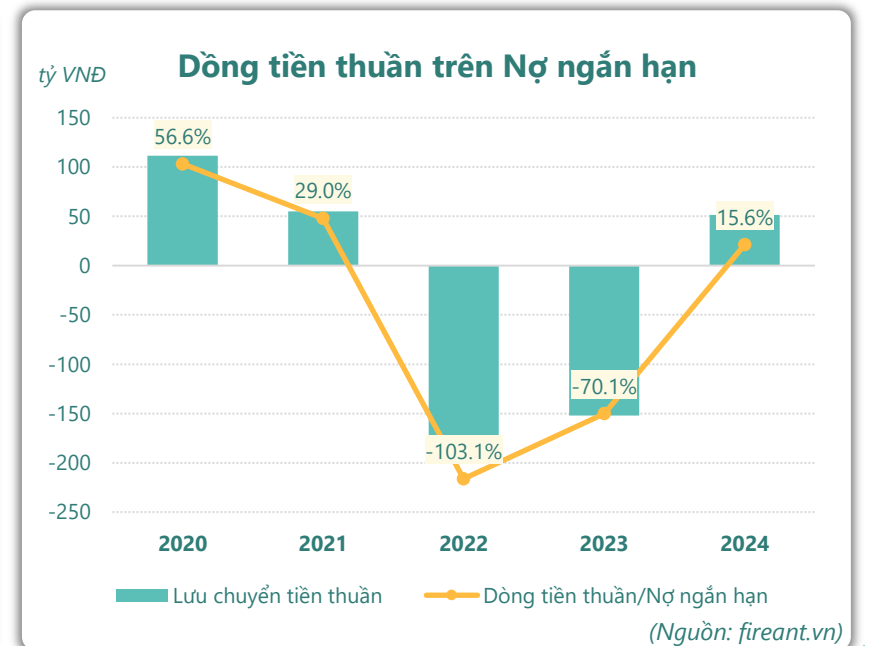
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	328	315	4.1%	1,075	945	13.8%
Giá vốn hàng bán	246	236	4.0%	785	686	14.4%
Lợi nhuận gộp	82.5	79.5	3.7%	290	259	12.3%
Doanh thu HĐTC	7.84	3.32	136%	14.5	7.28	98.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.20	2.79	50.5%	10.4	7.50	38.6%
Chi phí QLDN	18.0	18.2	-1.2%	57.2	53.0	7.9%
LN thuần từ HĐKD	68.1	61.8	10.3%	237	205	15.5%
Lợi nhuận khác	10.7	1.54	596%	13.8	-8.39	264%
LN trước thuế	78.9	63.4	24.4%	251	197	27.4%
Lợi nhuận sau thuế	63.1	50.7	24.4%	201	155	29.2%
LNST của CĐ cty mẹ	63.1	50.7	24.4%	201	155	29.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	112	81.5	79.4	-20.4	142	50.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.1	-65.5	-28.2	-26.7	-63.0	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-88.8	0	0	0	-93.4	-70.1
Tiền đầu kỳ	28.2	17.4	33.4	84.6	37.5	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	-10.8	16.0	51.2	-47.1	-14.5	-4.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.4	33.4	84.6	37.5	23.0	18.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,034	998	3.5%
Tài sản ngắn hạn	693	698	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	18.3	84.6	-78.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	637	551	15.7%
Phải thu ngắn hạn	17.8	21.3	-16.2%
Hàng tồn kho	17.2	41.3	-58.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.06	0.00	75646%
Tài sản dài hạn	340	301	13.1%
Phải thu dài hạn	33.6	32.6	3.0%
Tài sản cố định	36.7	43.8	-16.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.6	0.20	5232%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	259	224	15.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	246	341	-28.0%
Nợ ngắn hạn	232	330	-29.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	30.7	20.5	49.9%
Nợ dài hạn	14.1	11.8	19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	788	657	19.9%
Vốn chủ sở hữu	788	657	19.9%
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

